

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2026/DS-ST
Ngày: 17-7-2026
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Mai Văn To
- Bà Đặng Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Đỗ Phúc Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2026/TLST-DS, ngày 06 tháng 01 năm 2026, thụ lý bổ sung số 05/2026/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng TMCP V hoặc V1)

Địa chỉ trụ sở chính: Số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm (Theo Văn bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Ông Phan Văn D1 – Cán bộ xử lý nợ

Địa chỉ liên hệ: Số F L, phường L, tỉnh Tây Ninh.

(Văn bản ủy quyền ngày 11/12/2025).

- Bị đơn:

- Ông Nguyễn Thiện K, sinh năm 1984

2. Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Số I đường P, ấp T, xã B, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị Thanh T1, sinh năm 1978

2. Ông Đỗ Minh P, sinh năm 1977

3. Anh Đỗ Minh K1, sinh năm 2006

Cùng địa chỉ thường trú: Ấp C, xã L, tỉnh Tây Ninh.

Cùng chỗ ở hiện nay: Ấp P, xã T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/12/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/01/2026, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V do người đại diện theo ủy quyền ông Phan Văn D1 trình bày:

Ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N có ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V, gồm:

- Hợp đồng cho vay số LN2407263312837 ngày 05/8/2024, số tiền vay 5.420.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất thả nổi, giải ngân ngày 06/8/2024, thời hạn đến ngày 06/8/2034, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh.

- Hợp đồng cho vay số LN2406172946426 ngày 26/6/2024, số tiền vay 998.000.000 đồng, thời hạn vay 96 tháng, lãi suất thả nổi, giải ngân ngày 26/6/2024, thời hạn đến ngày 26/6/2032, mục đích vay mua xe.

- Hợp đồng cho vay số LN2412314710772 ngày 02/01/2025, số tiền vay 952.070.086 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất thả nổi, giải ngân ngày 02/01/2025, thời hạn đến ngày 02/01/2029, mục đích vay tiêu dùng.

- Hợp đồng vay thấu chi số PDPD2609675394, hạn mức tín dụng 300.000.000 đồng, lãi suất thả nổi, mục đích vay tiêu dùng.

Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản vay theo Hợp đồng cho vay số LN2407263312837 ngày 05/8/2024 và Hợp đồng cho vay số LN2406172946426 ngày 26/6/2024, ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N đã thế chấp cho V1 các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4901, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP64302, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05790;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6682, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB616742, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10307;

- Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển số 62A-401.35, số khung MHFABBA9R0423694, số máy NC07449M20A, do ông Nguyễn Thiện K đứng tên chủ sở hữu.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đối với Hợp đồng cho vay số LN2407263312837, ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N đã thanh toán được 1.886.760.749 đồng, trong đó nợ gốc 1.250.000.000 đồng, nợ lãi 636.760.749 đồng.

Đối với Hợp đồng cho vay số LN2406172946426, ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N đã thanh toán được 214.826.382 đồng, trong đó nợ gốc 83.160.000 đồng, nợ lãi 131.666.382 đồng.

Đối với Hợp đồng cho vay số LN2412314710772, ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N đã thanh toán được 374.666.837 đồng, trong đó nợ gốc 161.844.305 đồng, nợ lãi 212.822.532 đồng.

Đối với Hợp đồng vay thấu chi số PDPD2609675394, ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N đã sử dụng số tiền 295.678.827 đồng.

Do ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên kể từ ngày 24/02/2026, các khoản vay đều bị chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù V1 đã nhiều lần thông báo, đôn đốc và tạo điều kiện để khách hàng thanh toán nhưng ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Buộc ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N liên đới thanh toán cho V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 17/7/2026 là 6.792.331.142 đồng, gồm: Theo Hợp đồng cho vay số LN2407263312837 còn nợ 4.465.357.625 đồng, gồm nợ gốc 4.170.000.000 đồng và nợ lãi 295.357.625 đồng; Theo Hợp đồng cho vay số LN2406172946426 còn nợ 1.064.845.231 đồng, gồm nợ gốc 914.840.000 đồng và nợ lãi 150.005.231 đồng; Theo Hợp đồng cho vay số LN2412314710772 còn nợ 938.261.411 đồng, gồm nợ gốc 790.225.781 đồng và nợ lãi 148.035.630 đồng; Theo Hợp đồng vay thấu chi số PDPD2609675394 còn nợ 323.866.875 đồng, gồm nợ gốc 295.678.827 đồng và nợ lãi 28.188.048 đồng.

- Đồng thời, yêu cầu ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/7/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

- Trường hợp ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay số LN2406172946426 và Hợp đồng cho vay số LN2407263312837 thì V1 yêu cầu được xử lý các tài sản bảo đảm gồm xe ô tô biển số 62A-401.35; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4901, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An; quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6682, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An theo các Hợp đồng thế chấp số LN2406172946426 ngày 25/6/2024 và 5627, 5629 cùng ngày 05/8/2024 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý

tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì yêu cầu ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N tiếp tục liên đới thanh toán phần nghĩa vụ còn thiếu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, V1 tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 5628 ngày 05/8/2024 được Văn phòng C, quyền số 02/2024TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngoài các yêu cầu trên, V1 không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Thiện K, bà Trần Thị Mỹ N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh P, ông Đỗ Minh K1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh T1 trình bày:

Bà là vợ của ông Đỗ Minh P, hiện quan hệ hôn nhân vẫn tồn tại. Trước đây bà và ông Nguyễn Thiện K cùng làm việc tại Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh B nên có quen biết nhau. Khoảng năm 2023, bà và ông K thỏa thuận hùn tiền để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6682, tờ bản đồ số 05, với mục đích chuyển nhượng lại để hưởng chênh lệch. Giá nhận chuyển nhượng là 1.600.000.000 đồng, trong đó bà góp 200.000.000 đồng, phần còn lại do ông K bỏ vốn và tự thế chấp tài sản để vay ngân hàng. Việc nhận chuyển nhượng, thanh toán tiền, đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ký kết hợp đồng tín dụng và thực hiện nghĩa vụ trả nợ với V1 đều do ông K trực tiếp thực hiện. Do tin tưởng nhau nên việc hùn vốn chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập thành văn bản. Sau khi nhận chuyển nhượng, do trên đất đã có nhà ở và theo đề nghị của ông K, vợ chồng bà chuyển đến sinh sống tại căn nhà trên cho đến nay. Quá trình tìm người chuyển nhượng lại tài sản nhiều lần nhưng chưa thực hiện được vì chưa được giá. Cuối năm 2024, do khó khăn về kinh tế, bà yêu cầu ông K hoàn trả trước 20.000.000 đồng trong số tiền đã góp và ông K đã thanh toán số tiền này. Đến khoảng tháng 02/2025, bà tiếp tục yêu cầu ông K hoàn trả 180.000.000 đồng còn lại nhưng ông K cho biết đang gặp khó khăn về tài chính và hẹn sau khi bán được thửa đất sẽ thanh toán. Khoảng tháng 10/2025, để làm căn cứ xác nhận việc hùn vốn, bà yêu cầu ông K lập văn bản xác nhận. Hai bên lập Giấy thỏa thuận, trong đó ông K xác nhận bà và ông K cùng góp tiền mua thửa đất nêu trên, bà đã nhận lại 20.000.000 đồng, còn 180.000.000 đồng sẽ được ông K hoàn trả sau khi chuyển nhượng được tài sản. Do sơ suất khi soạn thảo nên trong Giấy thỏa thuận ghi nhầm số thửa đất từ 6682 thành 682.

Đối với yêu cầu khởi kiện của V1 về việc xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6682, tờ bản đồ số 05, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB616742, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS10307, bà không có ý kiến tranh chấp đối với hợp đồng thế chấp giữa ông K và V1, đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm theo quy định nếu ông K và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà xác định trong vụ án này không có yêu cầu độc lập, không yêu cầu

Tòa án giải quyết đối với khoản tiền 180.000.000 đồng mà bà đã góp với ông K. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp về khoản tiền này thì bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà không có ý kiến hoặc yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định các Hợp đồng cho vay số LN2406172946426 ngày 26/6/2024, Hợp đồng cho vay số LN2407263312837 ngày 05/8/2024, Hợp đồng cho vay số LN2412314710772 ngày 02/01/2025 và Hợp đồng vay thấu chi số PDPD2609675394 được giao kết hợp pháp; Ngân hàng TMCP V đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giải ngân, còn ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Tính đến ngày 17/7/2026, ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 6.792.331.142 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản đối và không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Các khoản vay được xác lập trong thời kỳ hôn nhân, được sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh của gia đình; đồng thời ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N cùng ký các hợp đồng thế chấp để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, có căn cứ xác định đây là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các hợp đồng thế chấp được giao kết hợp pháp, đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên có hiệu lực pháp luật; trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Đối với ý kiến của bà Võ Thị Thanh T1 về việc góp vốn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 6682, tờ bản đồ số 05, bà T1 không có yêu cầu độc lập, không tranh chấp đối với hợp đồng thế chấp và xác định nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 43 nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V; buộc ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn nợ tính đến ngày 17/7/2026 là 6.792.331.142 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 18/7/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ; trường hợp ông Nguyễn

Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu xử lý các tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ; nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N vẫn phải tiếp tục liên đới thanh toán phần nghĩa vụ còn thiếu; đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã tự nguyện rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N phải liên đới trả số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Do các bên không thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp nên Tòa án nơi bị đơn cư trú có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Do bị đơn ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N có nơi cư trú tại ấp T, xã B, tỉnh Tây Ninh nên thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Thiện K, bà Trần Thị Mỹ N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh P, ông Đỗ Minh K1 đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bà Võ Thị Thanh T1 vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP V tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (nay là ấp T, xã B, tỉnh Tây Ninh) theo Hợp đồng thế chấp số 5628 ngày 05/8/2024 được Văn phòng C, quyền số 02/2024TP/CC-SCC/HĐGD. Nhận thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự khác. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm nêu trên.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V:

[3.1] Xét các Hợp đồng cho vay số LN2406172946426 ngày 26/6/2024 và Phụ lục hợp đồng; Hợp đồng cho vay số LN2407263312837 ngày 05/8/2024; Hợp đồng cho vay số LN2412314710772 ngày 02/01/2025 và Hợp đồng vay thấu chi số

PDPD2609675394, thấy rằng: Việc giao kết các hợp đồng được các bên thực hiện trên cơ sở tự nguyện; tại thời điểm xác lập giao dịch, các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; nội dung, mục đích của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức của các hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi các hợp đồng được ký kết, Ngân hàng TMCP V đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giải ngân theo đúng thỏa thuận, ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N đã nhận tiền vay và sử dụng khoản vay. Do đó, có đủ căn cứ xác định các hợp đồng tín dụng nêu trên được giao kết hợp pháp, có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các Điều 116, 117 và Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 99, Điều 100 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo nội dung đã thỏa thuận.

[3.2] Về nghĩa vụ trả nợ: Căn cứ vào các chứng từ thanh toán, bảng kê dư nợ và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N đã thanh toán được một phần nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V, cụ thể: Đối với Hợp đồng cho vay số LN2407263312837 ngày 05/8/2024 đã thanh toán 1.886.760.749 đồng, trong đó nợ gốc 1.250.000.000 đồng, nợ lãi 636.760.749 đồng; Đối với Hợp đồng cho vay số LN2406172946426 ngày 26/6/2024 đã thanh toán 214.826.382 đồng, trong đó nợ gốc 83.160.000 đồng, nợ lãi 131.666.382 đồng; Đối với Hợp đồng cho vay số LN2412314710772 ngày 02/01/2025 đã thanh toán 374.666.837 đồng, trong đó nợ gốc 161.844.305 đồng, nợ lãi 212.822.532 đồng; Đối với Hợp đồng vay thấu chi số PDPD2609675394, ông Nguyễn Thiện K đã sử dụng số tiền 295.678.827 đồng theo hạn mức tín dụng được cấp. Tuy nhiên, sau khi thanh toán được một phần khoản vay, ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N không tiếp tục thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, kể từ ngày 24/02/2026, các khoản vay đều bị chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần thông báo, đôn đốc và tạo điều kiện để bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N vẫn không thanh toán đầy đủ khoản nợ. Theo bảng tính dư nợ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tính đến ngày 17/7/2026, ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền 6.792.331.142 đồng, gồm: Theo Hợp đồng cho vay số LN2407263312837 còn nợ 4.465.357.625 đồng, gồm nợ gốc 4.170.000.000 đồng, nợ lãi 295.357.625 đồng; Theo Hợp đồng cho vay số LN2406172946426 còn nợ 1.064.845.231 đồng, gồm nợ gốc 914.840.000 đồng, nợ lãi 150.005.231 đồng; Theo Hợp đồng cho vay số LN2412314710772 còn nợ 938.261.411 đồng, gồm nợ gốc 790.225.781 đồng, nợ lãi 148.035.630 đồng; Theo Hợp đồng vay thấu chi số PDPD2609675394 còn nợ 323.866.875 đồng, gồm nợ gốc 295.678.827 đồng, nợ lãi 28.188.048 đồng.

[3.3] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Các hợp đồng tín dụng được ký kết với chủ thể vay khác nhau, trong đó Hợp đồng cho vay số LN2407263312837 ngày 05/8/2024 và Hợp đồng vay thấu chi số PDPD2609675394 do ông Nguyễn Thiện K đứng tên vay; Hợp đồng cho vay số LN2412314710772 ngày 02/01/2025 do bà Trần Thị Mỹ N đứng tên vay; Hợp đồng cho vay số LN2406172946426 ngày 26/6/2024 do

ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N cùng ký kết. Nhận thấy, các khoản vay này đều được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N. Đối với Hợp đồng cho vay số LN2412314710772, mặc dù hợp đồng thể hiện mục đích vay là tiêu dùng, nhưng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện khoản vay được sử dụng để phục vụ hoạt động của kinh doanh gia đình. Đối với các khoản vay còn lại, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh và mua xe. Đồng thời, để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay nêu trên, ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N đều cùng ký kết các hợp đồng thế chấp đối với các tài sản bảo đảm. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh các khoản vay là nghĩa vụ riêng của từng người hoặc được sử dụng để đáp ứng nhu cầu riêng của một bên. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định các khoản vay được xác lập trong thời kỳ hôn nhân nhằm đáp ứng nhu cầu chung của gia đình và phục vụ hoạt động kinh doanh của gia đình, là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo quy định tại Điều 27 và khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 280, khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 nên yêu cầu của Ngân hàng TMCP V buộc ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N liên đới thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 17/7/2026 là 6.792.331.142 đồng là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

[3.4] Đối với yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 18/7/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký, nhận thấy: Các bên có thỏa thuận cụ thể về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và phương thức điều chỉnh lãi suất, việc tính lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc là phù hợp với nội dung hợp đồng và quy định của pháp luật nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nên kể từ ngày 18/7/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, các bị đơn phải tiếp tục liên đới chịu lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký.

[3.5] Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thanh T1: Bà Võ Thị Thanh T1 trình bày có góp vốn với ông Nguyễn Thiện K để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6682, tờ bản đồ số 05, xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh). Tuy nhiên, bà T1 xác định không đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phải là bên ký kết các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP V; đồng thời không có tranh chấp đối với các hợp đồng thế chấp, đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm theo quy định nếu ông K và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà T1 cũng xác định không có yêu cầu độc lập đối với khoản tiền đã góp vốn và nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3.6] Về tài sản bảo đảm: Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khoản vay theo Hợp đồng cho vay số LN2407263312837 ngày 05/8/2024, ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N đã ký các Hợp đồng thế chấp tài sản số 5627, 5628 và 5629 cùng ngày 05/8/2024, được Văn phòng C1, 5628 và 5629, quyển số 08/2024TP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6682, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh); quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (nay là ấp T, xã B, tỉnh Tây Ninh), đều do ông Nguyễn Thiện K đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4901, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã B, tỉnh Tây Ninh), do bà Trần Thị Mỹ N đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại khu vực C và B cùng ngày 06/8/2024. Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với khoản vay theo Hợp đồng cho vay số LN2406172946426 ngày 26/6/2024, ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N còn ký Hợp đồng thế chấp tài sản số LN2406172946426 ngày 25/6/2024, thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát số 62A-401.35, số khung MHFABBA9R0423694, số máy NC07449M20A, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Thiện K; hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 25/6/2024. Nhận thấy, các hợp đồng thế chấp số 5627, 5629 và LN2406172946426 được các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, đúng hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của luật. Đối với các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 5627 và 5629 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại các Điều 317, 318 và 319 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 45 Luật Đất đai năm 2024; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2406172946426 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, các hợp đồng thế chấp đều có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 5628 ngày 05/8/2024. Hội đồng xét xử đã chấp nhận việc rút yêu cầu và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo nhận định tại mục [2] nêu trên. Đối với các tài sản bảo đảm còn lại, do ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng tín dụng nên căn cứ Điều 299, Điều 303, Điều 317 và Điều 308 Bộ luật Dân sự năm 2015, Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6682, tờ bản đồ số 05; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4901, tờ bản đồ số 01 và xe ô tô biển kiểm soát số 62A-401.35 để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản bảo đảm không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N vẫn phải tiếp tục liên đới thanh toán phần nghĩa vụ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP V theo quy định của pháp luật.

[3.7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đã nộp và chi xong. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự buộc bị đơn ông Nguyễn Thiện K, bà Trần Thị Mỹ N có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền trên.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thiện K, bà Trần Thị Mỹ N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 299, Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 45 Luật Đất đai năm 2024; Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010; Điều 99, Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn ông Nguyễn Thiện K, bà Trần Thị Mỹ N.

1. Buộc ông Nguyễn Thiện K, bà Trần Thị Mỹ N phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 17/7/2026 là 6.792.331.142 đồng (Sáu tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu ba trăm ba mươi một nghìn một trăm bốn mươi hai đồng), gồm: Theo Hợp đồng cho vay số LN2407263312837 ngày 05/8/2024 còn nợ 4.465.357.625 đồng, gồm nợ gốc 4.170.000.000 đồng và nợ lãi 295.357.625 đồng; Theo Hợp đồng cho vay số LN2406172946426 ngày 26/6/2024 còn nợ 1.064.845.231 đồng, gồm nợ gốc 914.840.000 đồng và nợ lãi 150.005.231 đồng; Theo Hợp đồng cho vay số LN2412314710772 ngày 02/01/2025 còn nợ 938.261.411 đồng, gồm nợ gốc 790.225.781 đồng và nợ lãi 148.035.630 đồng; Theo Hợp đồng vay thấu chi số PDPD2609675394 còn nợ 323.866.875 đồng, gồm nợ gốc 295.678.827 đồng và nợ lãi 28.188.048 đồng.

2. Kể từ ngày 18/7/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc, ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N còn phải tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay số LN2406172946426 ngày 26/6/2024, LN2407263312837 ngày 05/8/2024, LN2412314710772 ngày 02/01/2025 và Hợp đồng vay thấu chi số PDPD2609675394 và Phụ lục hợp đồng đã ký. Trường hợp các hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì mức lãi suất phải thanh toán được điều chỉnh tương ứng.

3. Trường hợp ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với các khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số LN2407263312837 ngày 05/8/2024 và Hợp đồng cho vay số LN2406172946426 ngày 26/6/2024 thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 5627, số 5629 cùng ngày 05/8/2024 và Hợp đồng thế chấp tài sản số LN2406172946426 ngày 25/6/2024 để thu hồi nợ, gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6682, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã T, tỉnh Tây Ninh (trước đây là xã P, huyện C, tỉnh Long An) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 5627 ngày 05/8/2024; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 4901, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã B, tỉnh Tây Ninh (trước đây là thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 5629 ngày 05/8/2024; Xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát số 62A-401.35, số khung MHFABBAA9R0423694, số máy NC07449M20A, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số LN2406172946426 ngày 25/6/2024. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý các tài sản thế chấp không đủ thanh toán các khoản nợ theo hai hợp đồng cho vay nêu trên thì ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N vẫn phải tiếp tục liên đới thanh toán phần nghĩa vụ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP V theo quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V về việc yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 5628 ngày 05/8/2024 đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 56, tờ bản đồ số 43, tọa lạc tại ấp T, xã B, tỉnh Tây Ninh (trước đây là khu phố H, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An).

5. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn Ông Nguyễn Thiện K, bà Trần Thị Mỹ N có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí: Buộc Ông Nguyễn Thiện K và bà Trần Thị Mỹ N phải liên đới chịu 114.792.331 đồng (Một trăm mười bốn triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn ba trăm ba mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 57.541.138 đồng (Năm mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi một nghìn một trăm ba mươi tám đồng) theo Biên lai thu số 0017345 ngày 31/12/2025 và 22.981.955 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm tám mươi một nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng) theo Biên lai thu số 0005519 ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 4 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thúy Hồng